

ĐÔNG PHƯỚC
VĂN LỄ

V Õ V Ǻ N H O È

(Suu tâm, biên soạn)



ĐÔNG PHƯỚC
VĂN LỄ

東福文醜

Đà Nẵng, 8.2020

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN THỨ NHẤT

TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG LÀNG ĐỒNG PHƯỚC

1. Tìm hiểu văn cúng tế30
2. Lễ cúng bái
từ lý thuyết đến thực tiễn.....33
3. Tác dụng của việc cúng tế trong gia đình
và cộng đồng làng, xóm34
4. Tái cấu trúc một số lễ cúng37

PHẦN THỨ HAI

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN TRONG VIỆC CÚNG TẾ

1. Quan hệ xưng hô theo sách xưa43
2. Danh xưng theo mối quan hệ
trong gia đình khi cúng45
3. Người chủ lễ xưng hô khi cúng47
4. Danh xưng năm (thì hiện tại) khi hành lễ49
5. Danh xưng tháng (thì hiện tại) khi hành lễ50
6. Danh xưng ngày (thì hiện tại) khi hành lễ52
7. Các loại văn cúng57

8. Giải thích từ ngữ	61
9. Viết văn tế	65
10. Nghệ thuật ngôn từ	76

PHẦN THỨ BA

CÁC BÀI VĂN CÚNG, TẾ (Trong phạm vi gia đình)

1. Cúng hành khiển/ khiển	83
2. Tết nhà	97
3. Cúng ông bà ngày mừng Một tết	102
4. Cúng ông bà mừng Một tết.....	106
5. Cúng rằm, mừng một	109
6. Đưa ông bà sau tết	112
7. Cúng mừng Chín tháng Giêng.....	117
8. Mừng năm tháng năm	124
9. Cúng cơm mới	129
10. Cáo Triệu tổ trong tang lễ	137
11. Cáo yết Thành hoàng làng	140
12. Văn lễ nhập án	142
13. Lễ thành phục	145
14. Lễ cúng cơm (1).....	147
15. Lễ cúng cơm (2).....	149
16. Lễ cúng cơm	152
17. Cáo đạo lộ	154
18. Lễ khai sơn	167
19. Lễ triệt linh sà.....	161
20. Rước vong linh về trí linh.....	163
21. Lễ trí linh.....	165
22. Lễ tạ Hậu thổ.....	167

23. Mở cửa mả (Tế ngu)	170
24. Văn lễ làm tuần.....	176
25. Lễ giáp năm.....	179
26. Lễ mãn khó.....	182
27. Lễ Đám tế.....	184
28. Cúng động thổ làm nhà (mở móng).....	186
29. Lễ thượng lương.....	191
30. Lễ nhập trạch.....	194
31. Khánh thành nhà mới.....	197
32. Đơm lễ khi mang thai	202
33. Đầy tháng, đặt tên	204
34. Cúng thôi nôi	208
35. Cúng giỗ người thân	210
36. Cúng đất (tá thổ, mãi thổ)	215
37. Cúng tất niên	220
38. Cúng đưa Ông Táo	225
39. Lễ nhóm họ.....	229
40. Lễ hợp hôn.....	231
41. Văn cúng gia tiên.....	234
42. Nhượng sao	236
43. Điệp cấp minh y nhân ngày kỵ cơm	247
44. Điệp cấp cho người mới mất	250
45. Rước ông bà	252

PHẦN THỨ TƯ

CÁC BÀI VĂN CÚNG, TẾ (Trong phạm vi tộc họ, xóm, làng)

1. Văn cúng Hành khiển, Minh niên,.....	258
---	-----

2. Văn hóa vàng chiều mùng 3 Tết	261
3. Văn cầu an làng Đông Phước (1)	266
4. Bồn ấp cầu an văn tế (2).....	281
5. Cầu an làng Đông Phước (3)	283
6. Văn tế xuân	288
7. Kỵ Tiền hiền văn tế (1)	291
8. Kỵ Tiền hiền văn tế (2)	293
9. Giỗ Tiền hiền làng (3)	296
10. Văn tế Tam Vị	299
11. Văn tế tảo mộ	301
12. Bản văn chữ Hán	308
13. Tu tảo phần mộ Tiền hiền	309
14. Văn tế tảo mộ	312
15. Văn Làng cúng Âm linh (1)	316
16. Văn Làng cúng Âm linh (2)	320
17. Văn tế lễ tại miếu Đông Thạnh	323

PHẦN THỨ NĂM

CÁC BÀI VĂN TẾ (Văn ai)

1. Rể và con gái tế cha	328
2. Em tế chị	333
3. Em tế anh	336
4. Vợ, con tế chồng, cha	340
5. Con tế cha (1).....	344
6. Con tế cha (2)	349
7. Con, cháu tế mẹ, bà	355
8. Con tế mẹ (Bài 1)	359
9. Con tế mẹ (Bài 2)	363

10. Con tế mẹ (Bài 3)	368
11. Con tế mẹ (Bài 4)	372
12. Tế sui gia	376
13. Vợ, con tế chồng, cha	377
14. Vợ khóc chồng	383
15. Dâu tế mẹ chồng	390
DANH XƯNG QUẬN (CỔ).....	394
PHẦN ĐỌC THÊM	309
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	419

LỜI NÓI ĐẦU

Tập tục thờ cúng tổ tiên ông bà là phong tục, tập quán của người Việt tồn tại từ thời nguyên thủy, việc giữ đạo với ông bà đã được thực hiện từ khi chế độ mẫu hệ chuyển sang chế độ phụ hệ, vai trò của người đàn ông được coi trọng trong gia đình. Thờ cúng ông bà được xem như Đạo Ông Bà. Đối với người Việt trở thành tín ngưỡng tôn giáo quan trọng. Gia đình nào cũng có bàn thờ tổ tiên tại nhà mình. Xưa, không có ảnh chân dung để thờ, nay trên bàn thờ đặt ảnh của ông bà, thay cho hồn bạch mà xưa kia người ta thất bằng vải.

Làng Đông Phước từ khi lập làng đến nay, các hộ gia đình đều có lập bàn thờ thờ tự ông bà. Xưa kia, do điều kiện khó khăn về vật liệu, kinh phí, về nguồn nhân lực nên người làng làm giường nhỏ bằng tre đặt tại nơi giữa lều, trại (nơi ở) để thờ nên gọi *giường thờ*, dần về sau đời sống khá hơn, làm được bàn bằng gỗ để thờ, đặt tại nơi trang trọng nhất (căn trung), và đã có nhà làm bằng tranh tre nứa lá, theo đó gọi *bàn thờ* mà không gọi *ban thờ*. Tín ngưỡng thờ cúng ông bà không phải là một tôn giáo mà là do cái Tâm, lòng Hiếu Để thôi thúc con cháu nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục của ông bà, cha mẹ nên lập bàn thờ thờ tự.

Thờ tổ tiên ông bà là tập tục cổ truyền, là tín ngưỡng quan trọng, lâu đời, không một gia đình người làng Đông Phước nào mà không thực hiện.

Trong gia đình, tùy theo tình hình cụ thể bố trí nơi thờ tự khác nhau. Tại bàn thờ được cho là thể giới – không gian thu nhỏ – của những người đã mất.

Hai cây đèn hai bên lư hương tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng

Hương là tinh tú (các vì sao)

Nồi/ bát hương đặt đối xứng

Phía sau hai cây đèn là bình hoa tươi hoặc hoa giấy

Đặt theo công thức cố định: *đông bình tây quả* (phía đông luôn bên phải nhìn từ ngoài vào)

Phía sau lư/ nồi hương tại điểm trung tâm đặt khúc trầm, hoặc chén/ đĩa trầm được đốt lên mỗi lần có dịp cúng giỗ tổ tiên ông bà. (Nếu là khúc trầm sần sùi, gia chủ cứ để vậy quanh năm). Mỗi bên, giữa nồi hương và cây đèn là nơi đặt các loại đĩa đựng trà, rượu, nước thiêng (nước trong), tập hợp các đồ thờ *chân đèn, lư hương, đĩa đặt trà cau, đĩa đặt ly nước, bình hoa, cổ bông* gọi là bộ tam sự hoặc ngũ sự (nếu đủ 5 loại minh khí để thờ). Xen vào đó là đĩa trái cây (ngũ quả) đặt phía bên trái theo phương thức *đông bình tây quả* như đã nói. Ly nước trong đặt một bên xem như ly nước thiêng.

Xưa kia có hai cây mía, mỗi cây chín đốt, hoặc một cây để tổ tiên ông bà chống gậy về với con cháu. Những đốt mía xem như những nấc thang dẫn linh hồn tổ tiên ông bà từ tiên cảnh xuống trần gian.

Thời mới định cư lập nghiệp chỉ là chòi, trại, sau làm được nhà bằng tranh tre, bàn thờ tổ tiên đặt gian

căn trung. Ngày nay, có nhà nhiều tầng, tầng trên cùng đặt bàn thờ tổ tiên (Tuy nhiên cũng có gia đình đặt bàn thờ nơi tầng trệt, do tuổi già sức yếu không lên cao được).

Ngày kỵ giỗ, luôn nêu tên húy (tên kỵ còm) của người đã khuất để cúng, người được cúng mới nhận được nhiều phước lộc. Tên húy, tên hiệu, do làng đặt cho, có ghi trong lá triệu vào dịp người đó qua đời.¹

Ngày giỗ được tính vào ngày âm lịch, thường lấy ngày còn sống làm ngày kỵ giỗ (trước mất một ngày) và thường được gọi là *ngày kỵ còm*. Ngày mồng một (ngày sóc), ngày rằm (ngày vọng), con cháu thường thắp hương nơi bàn thờ tổ tiên ông bà.

Những khi trong nhà có sự việc quan trọng, như dựng vợ gả chồng cho con, hay mua ruộng, mua trâu, thi cử, làm nhà,... người làng Đông Phước cúng, dâng hương cầu xin ông bà phù hộ cho sự việc hoàn thành viên mãn. Bởi người làng quan niệm đối với ông bà và người còn sống có hai chiều ngược lại. Phía ông bà luôn phù hộ, độ trì con cháu và chiều ngược lại, con cháu luôn nhớ đến tổ tiên ông bà, cầu xin sự giúp đỡ mỗi khi có sự việc quan trọng trong nhà. Tiền nhân, tiền bối, tổ tiên luôn che chở, hướng dẫn con cháu làm lành lánh

¹ Ví dụ: tên húy của ông Trần Văn X. ở làng Đông Phước, làng đặt cho là Bất Tận (bởi mùa xuân luôn bất tận, *Xuân đáo xuân lai xuân bất tận/ Nhựt thăng nhựt giáng nhựt trường tồn*. Khi cúng kỵ cụ, chủ lễ đọc: Cẩn cáo vu: *Kính thỉnh Hiển khảo Trần Văn X, húy Bất Tận* v.v... hoặc tùy theo chức tước, phẩm trật mà có tên húy: *phủ quân, gia quân, tiên sinh,...*; *nhụ nhân, phu nhân*, v.v...

dữ. Giỗ, kỵ cơm hằng năm là hình thức giao lưu giữa tổ tiên ông bà với người còn sống. Những bài văn, có trong quyển sách này dùng làm mẫu (gợi ý) để đọc trước hương linh ông bà mỗi lần trong gia đình có kỵ giỗ, hoặc cúng kính các thần có thờ trong nhà. Bên cạnh, trong một gia đình còn thờ Đương niên Hành khiển, Ngũ tự gia đường, Táo phủ thần quân, Đông trù tư mệnh, Thổ địa,... và các vị thần không lập bàn thờ nhưng luôn thường trực quan sát, coi ngó mọi hoạt động của các thành viên trong gia đình, trong những lần cúng kỵ đều có thỉnh mời dự.

Ngoài ra, có các bài văn cúng tế nơi đình, miếu, các am khám khác thể hiện lòng biết ơn của người dân đối với các vị thần đang thờ trong đình làng, miếu xóm,... cũng được phát thảo, cung cấp cho bạn đọc có thể tham chiếu để biết đình làng, miếu xóm tại làng Đông Phước phối thờ những vị thần linh, Cô Bác thế nào. Bên cạnh, chúng tôi sưu tầm, đưa vào phần sau tập sách các bài văn tế (văn ai) có đọc trong những lần việc tang xảy ra tại làng. Những bài văn ai (buồn) trước đây người làng Đông Phước khi có người thân qua đời thường viết văn tế (khấp) trước linh cửu người mất. Nay, trong việc tang các bài văn ai tế người thân dần lui vào quá vãng. Loại thể này ít được sử dụng trong việc tang. Đây là những áng văn hay của làng.

Những bài văn có trong quyển sách này trước hết là những bài văn dùng tham khảo trong thực hiện nghi lễ cúng kính tổ tiên ông bà, các vị thần gắn với *Ngũ tự gia đường*; đồng thời còn có các bài văn *cúng thần*

tại đình làng, miếu xóm chúng tôi đưa vào sách để tham khảo. Các bài văn được ghi chép trong sách này thể hiện một chừng mức như là lý thuyết về “lòng bản – bài bản”. Một số các vị Nho học của làng đã sáng tạo ra cơ chế “lòng bản – bài bản” theo cách người xưa. Lòng bản như là khuôn mẫu mang tính cộng đồng, bất cứ ai trong cộng đồng cũng thuộc và cũng có quyền và khả năng sử dụng. Lòng bản một bài văn cúng trong gia đình hay cúng tại đình làng, miếu xóm thường không thay đổi. Trong lòng bản đó, các cấu trúc theo thứ tự (mỗi nhà thờ Tổ tiên ông bà và Thổ Công, mỗi làng thờ thần Thành Hoàng làng và thần Thổ Địa là không thay đổi), khi người chủ lễ trình bày bằng cách đọc lên trong lúc hành lễ, người nghe có một phức hợp, trong đó lòng bản như một bộ xương, các từ ngữ thể hiện theo ngữ cảnh, các hư từ được ráp ráp vào như phần đắp thịt da để có được một bài bản với tư cách là một thực thể hoàn chỉnh (hay một văn bản/ bài văn cúng). Ở từng thời điểm khác nhau, trong không gian thể hiện khác nhau, mỗi lần cúng, lòng bản có một bài bản không giống nhau. Do vậy, không xác minh được bài văn cúng nào là bản gốc, mặc dầu từ bài bản cúng cụ thể tại gia đình, tại làng, xóm, người dân có thể ưa thích để chọn lựa một bài bản nào đó. Các bài văn cúng tại làng Đông Phước trong gia đình hay làng, xóm lòng bản trở thành cơ chế vận hành của hầu hết các hoạt động trong tín ngưỡng dân gian tại làng Đông Phước. Mô hình chung cho các lễ cúng cổ truyền, phần diễn ra tuần tự như một sơ đồ cho một diên cúng: hương, đăng, thanh chước,

phù lang tửu, hoa quả, (diêm mễ nếu có) *thứ phẩm chi nghi* cho phần tế. Kế sau phần tế là phần hội. Hội nếu ở đình làng có thi (hoặc không) các loại trò chơi liên quan đến nông nghiệp: thi vun hàng khoai hàng sắn, thi cày đất, cày ruộng, thi cấy lúa, đẩy gậy, đẩy thuốc lá, gói các loại bánh (tét, ú, rim xôi đường) thời nay có thêm thi nấu cơm, cắm hoa, thi chim chào mào hót, thi bóng chuyền, bóng đá, cờ vua, cờ tướng, thi cầu lông,... hoặc rước kiệu thần (Thần Nông), rước Thánh (Tổ sư nghề,...) và sau nữa, trước khi kết thúc lễ hội là cùng thưởng thức bữa cơm cộng cảm tại sân đình, hoặc sân miếu xóm, hoặc sân nhà thờ chư phái tộc, nhà thờ tộc họ. Trong gia đình trình tự mô hình diễn ra như vậy nhưng ở phần hội không có các trò chơi, lễ rước các vị thánh, thần.² Tuy nhiên trong phần trò chơi không theo lộ trình hay phương thức tổ chức thế nào theo “cái cho trước” (nay thường gọi là kịch bản) mà tùy thực tế diễn ra. Trong bữa cơm cộng cảm hay bữa cơm kỷ niệm ngày giỗ người thân, lại không giống nhau giữa các lễ cúng/ giỗ trong làng, có thể thêm thắt, giảm bớt số người trong một mâm (*Thêm đĩa chó ai thêm chén*), hoặc tăng thêm số người tùy thuộc vào sự sáng tạo tự do và vào thực tế của bữa cơm.

Các bài văn cúng trong ĐÔNG PHƯỚC VĂN LỄ mặc dầu chủ thể là người làng (gồm nhiều thành phần

² Tại miền Tây Nam bộ trong một lễ giỗ người thân, sau phần lễ có phần hội: thi vật tay, thi múa, thi hát,... sau đó là bữa cơm do gia chủ chiêu đãi bà con, láng giềng trong làng. Nay, tháng có gia đình vẫn còn tổ chức vậy.

khác nhau), nhưng có điểm chung là phản ảnh đời sống tâm linh của người dân trong làng. Vì thế trong các bài văn cúng, ngày nay ghi chép lại, ta vẫn gặp nhiều yếu tố của văn hóa chuyên nghiệp, bác học; đặc biệt là những tín điều của Khổng thuyết. Người truyền bá trực tiếp vào các văn cúng tại làng là những người có hiểu ít nhiều văn nghĩa từ “sách thánh hiền”, đó có thể là những ông quan về làng nghỉ hưu, hay những ông quan từ quan về làng, đáng kể là những vị đề nho thi cử không đỗ, về mở trường dạy học tại làng. Họ là người làng. Khi họ về làng, trở thành thân phận người dân làng, họ sống đời sống của người dân trong làng, đem tri thức và những tín điều Nho giáo sáp nhập vào tín ngưỡng dân gian cổ truyền tại làng như trường hợp những bài văn cúng thần tại đình làng, miếu xóm. Hoặc trong gia đình, những bài văn tế ông bà, cha mẹ trong việc tang hiếu, nhất là những đoạn văn mô tả nguyện vọng của người nông dân bằng giọng văn Hán – Việt còn lưu lại tại làng hàm chứa nhiều tín điều Nho giáo. Vì quan niệm đa thần, nên để tồn tại và phát triển, người dân trong làng Đông Phước luôn ứng xử với ba mối quan hệ: **thiên-siêu nhiên, xã hội, bản thân**. Ba ứng xử đó đặt trong mối quan hệ của không gian – thời gian lịch sử. Những ứng xử này rất nhiều và diễn ra thường xuyên với mỗi cá nhân và làng – xóm; và mỗi thái độ ứng xử thể hiện bằng thái độ hay hành động cụ thể để đáp ứng nhu cầu chức năng trong mỗi ứng xử. Mối quan hệ giữa hành động cụ thể và chức năng có thể xem như *nhu cầu và sự cung ứng*. Chức năng thể hiện

ra trong một hoạt động tín ngưỡng dân gian mang tính thiết chế của làng – xóm. Do nhu cầu cầu an tại đình làng Đông Phước, các vị có trách nhiệm trong Hội đồng Chư phái tộc làng viết một bài văn Kỳ an. Bài văn đã trở thành một thực thể có ý nghĩa thiết chế trong chuỗi các hoạt động trong lễ cầu an của dân làng. Chức năng cầu an đã quy định môi trường (lễ tế kỳ an), các bài nhạc lễ tấu lên phù hợp với nhạc cụ lệnh, chiêng, trống do người làng khởi lên khi hành lễ, tiết tấu nhanh chậm, nhẹ nhàng, hay hùng tráng,... tạo nên không gian thiêng tại đình làng trong lễ tế cầu an. Bài văn cúng cầu an được đọc lên, thực hiện “chức năng cầu an” với giọng điệu thiết tha, cầu khẩn, van xin hay hùng tráng thiêng liêng trong tiếng trống điểm, chiêng rung!

Như thế nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của một làng đòi hỏi nhiều hành động, đáp ứng nhiều chức năng, nhằm đảm bảo tính toàn vẹn, sự ổn định, và tính cân bằng giữa tồn tại và phát triển cho mỗi ngôi làng. Dur kheim trong tác phẩm *Règles de la Méthode Sociologique*, (*Những nguyên tắc của phương pháp xã hội học*), ông viết: “*Chức năng của một thiết chế xã hội là sự tương ứng giữa nó với những nhu cầu của cơ thể xã hội*”. Trong tín ngưỡng dân gian tại làng Đông Phước, nhiều chức năng với những lần cúng kính trong một năm diễn ra tại gia đình, làng – xóm phải được đáp ứng *một cơ thể văn hóa của những người lao động*, để hoàn thiện tín ngưỡng văn hóa dân gian; bởi vì con người luôn ứng xử với ba mối quan hệ như đã nêu trên nên việc thực hiện chức năng đáp ứng trọn vẹn là cần thiết,

nhờ đó, người dân trong làng được tiếp giao thỏa mãn mặt tâm linh, tín ngưỡng để tồn tại một cách ổn định. Việc thờ cúng thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn/ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, cúng kính luôn nhắc nhở con cháu, người dân trong làng biết ơn, nhớ về công lao tổ tiên; các vị có công với làng xóm, các vị hữu danh vô vị, hữu vị vô danh đã vì sự lớn mạnh của đất đai xứ sở làng Đông Phước mà hy sinh trong các cuộc chiến đấu chống thiên tai, địch họa, giữ gìn giang sơn gấm vóc như hôm nay.

Đó là nét đẹp lâu đời của người dân làng Đông Phước.

Thực hiện tập sách ĐÔNG PHƯỚC VĂN LỄ, tôi không ghi chép các bài văn, như cúng giếng, cúng xe cộ, cúng chuồng trại (các loại), khai trương buôn bán,... Trong quá trình thực hiện có gì sai sót, xin bạn đọc cho ý kiến để chúng tôi sửa chữa hoàn thành chỉnh chu, phục vụ bạn đọc tốt hơn.

TÁC GIẢ
Võ Văn Hòe